

Số: 9343 /CT-TTHT
V/v chi phí chuyển khoản

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH GK FINECHEM VIỆT NAM
(Địa chỉ: Phòng 702, Tầng 7, Tòa nhà MD Complex Tower, 68 Nguyễn Cơ Thạch,
P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội; MST: 0104923059)

Trả lời công văn số GKFV-2019-0128-01 đề ngày 28/01/2018 của Công ty TNHH GK FINECHEM VIỆT NAM (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

"1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng..."

- Căn cứ Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định về đối tượng áp dụng của Thông tư:

+ Tại Khoản 1 Điều 1 quy định:

"1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu."

+ Tại Khoản 2 Điều 4 quy định:



"...Người nộp thuế theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 4 Chương I có trách nhiệm khấu trừ số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp hướng dẫn tại Mục 3 Chương II trước khi thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài."

- Căn cứ Khoản 4 Điều 5 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/01/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP của Chính phủ"

"4. Ngôn ngữ được sử dụng trong hồ sơ thuế là tiếng Việt. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt. Người nộp thuế ký tên, đóng dấu trên bản dịch và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch. Trường hợp tài liệu bằng tiếng nước ngoài có tổng độ dài hơn 20 trang giấy A4 thì người nộp thuế có văn bản giải trình và đề nghị chỉ cần dịch những nội dung, điều khoản có liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế."

...

Việc hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp chỉ bắt buộc trong trường hợp cụ thể hướng dẫn tại Điều 16, Điều 20, Điều 44, Điều 54 Thông tư này."

- Căn cứ Mục 1 Chương II Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005 quy định cụ thể về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu điện tử như sau:

+ Tại Điều 11 quy định:

"Điều 11. Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu

Thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu..."

+ Tại Điều 14 quy định:

"Điều 14. Thông điệp dữ liệu có giá trị làm chứng cứ

1. Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị dùng làm chứng cứ chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu.

2. Giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi thông điệp dữ liệu; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác".

Căn cứ các quy định nêu trên và nội dung công văn, hồ sơ của Công ty, Phòng TTHT đề xuất hướng dẫn theo nguyên tắc như sau:

Đối với trường hợp khách hàng bên Việt Nam khi chuyển tiền ra nước ngoài sẽ trả mọi khoản phí phát sinh ở cả Việt Nam và nước ngoài (còn gọi là phí OUR), để thực hiện dịch vụ chuyển tiền của khách hàng từ Việt Nam ra nước ngoài, Ngân hàng tại Việt Nam ký thỏa thuận với Ngân hàng nước ngoài (nhà thầu nước ngoài) về việc tự động trích tiền phí dịch vụ chuyển tiền từ tài khoản của khách hàng Việt Nam mở tại Ngân hàng Việt Nam để chuyển trả cho phía nước ngoài theo thỏa thuận; thì Ngân hàng tại Việt Nam có trách nhiệm kê khai, khấu

trừ và nộp thay thuế nhà thầu cho nhà thầu nước ngoài khoản phí bên nước ngoài được hưởng.

Trường hợp Công ty có khoản chi phí chuyển khoản phải trả cho Ngân hàng nước ngoài bị thu theo cách thức nêu trên nếu khoản chi này đáp ứng đủ các điều kiện: thực tế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp mang tên địa chỉ, mã số thuế của Công ty (trường hợp bên Ngân hàng nước ngoài không cung cấp hóa đơn thì phải có hồ sơ chứng từ chứng minh khoản trích tiền phí dịch vụ chuyển tiền thanh toán cho Ngân hàng nước ngoài như sao kê tài khoản của Ngân hàng Việt Nam,...); thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật về thuế GTGT thì Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Trường hợp các hồ sơ, chứng từ chứng minh khoản chi phí có liên quan đến giao dịch nêu trên được thể hiện dưới dạng thông tin, dữ liệu điện tử thì các dữ liệu thông tin này phải đảm bảo chính xác, đủ tin cậy về tính toàn vẹn của thông tin. Các thông tin, dữ liệu điện tử này được lưu trữ, có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết theo quy định của Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

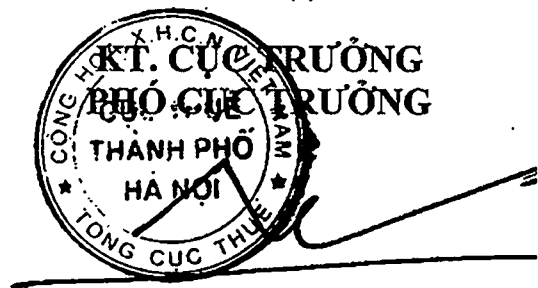
Đối với các chi phí phát sinh tại nước ngoài thì các hồ sơ của các khoản chi phí này phải phù hợp với quy định của nước sở tại và phải được dịch ra tiếng Việt theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu còn vướng mắc đề nghị đơn vị liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 1 để được hướng dẫn.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6;3)



Mai Sơn